

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HẠC THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VP

Hạc Thành, ngày tháng năm 2025

V/v hướng dẫn quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu công dân tiếp cận với hoạt động trợ giúp pháp lý.

Kính gửi:

- Trưởng các phòng, đơn vị thuộc UBND phường;
- Tổ trưởng Tổ dân phố.

Thực hiện Công văn số 1748/STP-TPL ngày 08/7/2025 của Sở Tư pháp về việc hướng dẫn UBND xã, phường giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu công dân tiếp cận với hoạt động trợ giúp pháp lý. Để thực hiện quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, Chủ tịch UBND phường yêu cầu Trưởng các phòng, đơn vị, Tổ trưởng Tổ dân phố như sau:

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân theo quy định của pháp luật, nếu phát hiện công dân cư trú trên địa bàn thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý thì giới thiệu công dân tiếp cận với hoạt động trợ giúp pháp lý (*Có trích dẫn quy định gửi kèm theo*).

2. Văn phòng HĐND và UBND phường có trách nhiệm tham mưu cho UBND phường giới thiệu công dân cư trú trên địa bàn phường tiếp cận với hoạt động trợ giúp pháp lý hoặc liên hệ trực tiếp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý (*Phòng Nghiệp vụ, Trung tâm TGPL Số 32 đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, người phụ trách: Lê Thị Phụng, ĐT: 0943.420.986*) cho công dân thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

3. Tổ trưởng Tổ dân phố tuyên truyền để công dân thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý được biết và tiếp cận với hoạt động trợ giúp pháp lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND phường (b/c);
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thanh Hiền

Ngày 20/6/2017 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua Luật Trợ giúp pháp lý số: 11/2017/QH14. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Luật Trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý và quyền của người được trợ giúp pháp lý, như sau:

I. Người được trợ giúp pháp lý (quy định tại Điều 7) là:

1. Người có công với cách mạng.
2. Người thuộc hộ nghèo.
3. Trẻ em.
4. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
5. Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
6. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.
7. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:
 - a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;
 - b) Người nhiễm chất độc da cam;
 - c) Người cao tuổi;
 - d) Người khuyết tật;
 - đ) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự;
 - e) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;
 - g) Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;
 - h) Người nhiễm HIV.

Chính phủ quy định chi tiết điều kiện khó khăn về tài chính của người được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

II. Quyền của người được trợ giúp pháp lý (quy định tại Điều 8) là:

1. Được trợ giúp pháp lý mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác.
2. Tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý.
3. Được thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý khi đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và các cơ quan nhà nước có liên quan.
4. Yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý.
5. Lựa chọn một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương trong danh sách được công bố; yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý khi người đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật này.
6. Thay đổi, rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.
7. Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
8. Khiếu nại, tố cáo về trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan./.